



Số: 09 /17/CV – HAGL Agrico  
“V/v đính chính nội dung Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2016”

Gia Lai, ngày 01 tháng 03 năm 2017

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
  - Quý cổ đông Công ty

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) (mã chứng khoán: HNG) xin gửi đến Quý cơ quan và Quý cổ đông lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng.

Ngày 13 tháng 02 năm 2017, Công ty đã công bố thông tin về báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2016. Sau khi kiểm tra, Công ty xin đính chính lại thông tin về chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng tại thuyết minh số 23.2 trang 29 của báo cáo như sau:

Thông tin đã công bố:

### 23.2. Vay dài hạn ngân hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Gia Lai	99.800.000	-

Thông tin đính chính lại:

### 23.2. Vay dài hạn ngân hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Gia Lai	99.800.000	-

Trên đây là nội dung đính chính của Công ty về chi tiết vay dài hạn ngân hàng trên thuyết minh số 23.2, trang 29 của báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2016.

Trân trọng.

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT





# **HAGL Agrico**

## **Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý IV năm 2016



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	4 - 5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 42

5  
G  
G  
10  
G  
E/K

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.579.786.724</b>	<b>7.220.860.465</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>311.163.926</b>	<b>331.961.020</b>
111	1. Tiền	5	311.163.926	331.961.020
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.374.762.615</b>	<b>3.888.556.900</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.192.412.667	1.065.007.018
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.734.450.875	2.257.718.117
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.1	841.958.539	265.641.262
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8.2	610.940.534	302.560.292
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.000.000)	(2.369.789)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>1.864.271.599</b>	<b>2.966.320.073</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	1.867.027.030	2.971.502.880
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.755.431)	(5.182.807)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>29.588.584</b>	<b>34.022.472</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		16.509.538	8.857.139
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.591.639	22.934.095
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.487.407	2.231.238



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>28.348.743.559</b>	<b>19.880.731.670</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.983.427.677</b>	<b>1.383.681.815</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10.1	1.632.452.408	1.307.804.207
216	2. Phải thu dài hạn khác	10.2	350.975.269	75.877.608
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>6.659.110.897</b>	<b>5.596.337.810</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.622.630.961	5.553.475.832
222	Nguyên giá		7.813.424.024	6.246.257.348
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.190.793.063)	(692.781.516)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	36.479.936	42.861.978
228	Nguyên giá		54.845.260	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.365.324)	(11.983.282)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>14.590.581.439</b>	<b>11.153.955.744</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	14.590.581.439	11.153.955.744
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>874.195.853</b>	<b>311.150.970</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	874.195.853	271.950.970
253	2. Đầu tư vào đơn vị khác		-	39.200.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.067.740.384</b>	<b>1.002.230.670</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	996.125.328	944.944.277
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	71.615.056	57.286.393
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>17</b>	<b>3.173.687.309</b>	<b>433.374.661</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>35.928.530.283</b>	<b>27.101.592.135</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.277.942.229</b>	<b>17.221.964.230</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.130.954.969</b>	<b>7.030.109.890</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	737.242.857	630.784.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	255.098.052	787.064.002
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	116.513.350	148.940.710
314	4. Phải trả người lao động		50.488.805	27.580.067
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	207.003.898	474.504.889
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	1.639.881.125	1.834.130.467
320	7. Vay ngắn hạn	23	3.124.726.882	3.127.105.050
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>19.146.987.260</b>	<b>10.191.854.340</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	24	1.767.517.897	847.958.773
338	2. Vay dài hạn	23	17.144.115.123	9.108.541.327
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		235.354.240	235.354.240
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>25</b>	<b>10.650.588.054</b>	<b>9.879.627.905</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>10.650.588.054</b>	<b>9.879.627.905</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	<b>25.1</b>	7.671.438.950	7.081.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.081.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	2.550.810
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		551.916.583	443.148.354
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.172.148.338	2.126.574.755
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.126.574.755	1.419.585.622
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(954.426.417)	706.989.133
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		190.533.373	225.915.036
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>35.928.530.283</b>	<b>27.101.592.135</b>

C.T.C.P \*

Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập

Ngày 12 tháng 02 năm 2017

Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng  
Giám đốc



Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.217.322.697	814.164.589	4.796.615.033	4.730.680.433
02	2. Các khoản giảm trừ		(4.181.853)	-	(5.465.831)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.213.140.844	814.164.589	4.791.149.202	4.730.680.433
11	4. Giá vốn hàng bán	27	(1.114.996.711)	(811.783.164)	(4.281.002.857)	(3.493.579.993)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.144.132	2.381.425	510.146.344	1.237.100.440
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	76.656.533	85.518.289	305.062.984	164.880.632
22	7. Chi phí tài chính	28	(222.296.558)	(131.212.083)	(928.608.294)	(383.460.219)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(183.452.744)	(130.903.404)	(723.507.758)	(364.676.504)
24	8. Lợi nhuận từ Công ty liên kết		13.808.759	(1.225.021)	216.238	(1.225.021)
25	9. Chi phí bán hàng		(22.907.448)	(20.780.035)	(85.498.887)	(72.904.454)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(82.615.571)	(23.391.089)	(218.097.954)	(120.958.460)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(139.210.152)	(88.708.514)	(416.779.568)	823.432.918
31	12. Thu nhập khác	29	67.434.858	1.193.953	168.071.848	2.233.328
32	13. Chi phí khác	29	(236.679.124)	(63.127.300)	(756.024.769)	(110.612.760)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	(169.244.266)	(61.933.347)	(587.952.921)	(108.379.432)




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

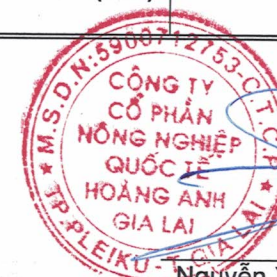
Ngàn VNĐ


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(308.454.418)	(150.641.861)	(1.004.732.489)	715.053.486
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	65.436	27.994.016	874.461	(3.048.663)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.2	5.604.909	9.601.632	14.328.663	32.003.555
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(302.784.073)	(113.046.213)	(989.529.365)	744.008.378
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(311.074.285)	(124.538.238)	(954.426.417)	724.591.678
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		8.290.212	11.492.025	(35.102.948)	19.416.700
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	25.4	(413)	(178)	(1.266)	1.033
71	22. Lãi suy giảm cổ phiếu (VNĐ)		(348)	(148)	(1.067)	861

  
Nguyễn Thị Hải Yên  
Người lập

Ngày 12 tháng 02 năm 2017

  
Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Xuân Thắng  
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
Quý IV năm 2016

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>		<b>(1.004.732.489)</b>	<b>715.053.486</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11,12,17	610.824.272	333.420.043
03	Các khoản dự phòng		202.835	5.655.836
04	Lỗ (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(27.038.402)	328.995
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(346.736.857)	(52.746.866)
06	Chi phí lãi vay	28	723.507.758	364.676.504
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(43.972.883)</b>	<b>1.366.387.998</b>
09	Giảm các khoản phải thu		1.478.424.867	344.086.017
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.238.195.790	(2.180.235.216)
11	Giảm (tăng) các khoản phải trả		344.115.682	2.159.563.563
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(139.267.868)	66.793.246
14	Tiền lãi vay đã trả		(632.943.234)	(371.302.612)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.1	(161.084)	(6.794.852)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(548.327)	(265.314)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.243.842.943</b>	<b>1.378.232.830</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.070.261.136)	(4.421.246.855)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		535.482.900	27.568.222
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.894.916.498)	(969.807.867)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		476.710.935	304.157.896
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.392.873.838)	(1.852.343.193)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	425.663.640
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		81.612.033	28.114.041
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(8.264.245.604)</b>	<b>(6.457.894.116)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.652.000.000	1.797.972.760
33	2. Tiền thu từ đi vay, mượn		6.836.596.847	9.304.243.116
34	3. Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(2.488.991.280)	(5.654.081.191)
36	4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(83.317.160)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>5.999.605.567</b>	<b>5.364.817.525</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(20.797.094)</b>	<b>285.156.239</b>
60	Tiền đầu kỳ	5	331.961.020	46.804.781
70	Tiền cuối kỳ	5	311.163.926	331.961.020

Nguyễn Thị Hải Yên  
 Người lập

Ngày 12 tháng 02 năm 2017

Hồ Thị Tuyết Loan  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng  
 Giám đốc





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Quý IV năm 2016**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010, và mười bốn (14) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2015 theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 70,45% vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý IV năm 2016 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con được lập cho Quý IV năm 2016.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Tất cả các số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

**3.2 Các khoản phải thu ngắn hạn**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể được thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê, thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Súc vật làm việc và cho sản phẩm	8 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00	Năm thứ 20	Giá trị còn lại





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu, mía và vườn cây khác mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

*Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cọ dầu, mía và vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

*Dự án bò*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn mía và vườn bắp. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía và vườn bắp, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại** (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích từ cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Nhóm Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.11 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Đầu tư vào các công ty liên kết* (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC và thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

127  
CÔNG TY  
PHẦN  
CỔ Đ  
HÀNG  
AN  
LAI  
-T.C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng tỷ theo giá mua và bán vào bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân kỳ.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

**3.15 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư*

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.17 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Bên liên quan**

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2016

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH**

**4.1 Mua lại cổ phần trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương**

Vào ngày 03 tháng 03 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 100% quyền sở hữu trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("CSĐD") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh (tỷ lệ vốn góp 52,83%) và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh (tỷ lệ vốn góp 47,17%). Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 1.650.000.000 ngàn VNĐ. Theo đó, CSĐD đã trở thành Công ty con của Công ty vào ngày này.

CSĐD được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0311181334, do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2011 và mười hai (12) Giấy CNNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của CSĐD là trồng và kinh doanh cao su, cung cấp dịch vụ vận tải và các vật liệu liên quan, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt, đường bộ và các công trình dân dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của CSĐD. Giá trị hợp lý được xác định của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của CSĐD tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	Ngàn VND Giá trị hợp lý được xác định ghi nhận tại ngày mua
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	684.785.662
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	276.612.284
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	32.460.055
Tài sản cố định hữu hình	2.839.163
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.680.586.665
<b>Nợ phải trả</b>	
Các khoản phải trả	(203.027.005)
Vay ngắn hạn	(488.455.486)
Vay dài hạn	(504.688.437)
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>1.481.112.901</b>
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh ( <i>Thuyết minh số 17</i> )	168.887.099
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán</b>	<b>(1.650.000.000)</b>

**4.2 Mua lại cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("CSTN")**

Vào ngày 09 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại 81.937.178 cổ phần, tương đương với 99,91% quyền sở hữu trong CSTN từ bà Nguyễn Thị Ngọc Trang với tổng giá mua là 3.277.487.120 ngàn VNĐ. Theo đó, CSTN trở thành Công ty con của Công ty vào ngày này.

CSTN được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900189156, do phòng Đăng ký Kinh doanh sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và mười ba (13) giấy CNNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của CSTN là chăn nuôi bò thịt; trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su và cây ăn trái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của CSTN. Giá trị hợp lý được xác định của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của CSTN tại ngày mua được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**4.2 Mua lại cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (“CSTN”) (tiếp theo)**

	Ngàn VND
	<i>Giá trị hợp lý được xác định ghi nhận tại ngày mua</i>
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.156.945
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	124.878.667
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.898.066.249
Hàng tồn kho	380.355.550
Tài sản cố định hữu hình	127.142.696
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	955.437.554
<b>Nợ phải trả</b>	
Các khoản phải trả	(1.247.440.120)
Vay ngắn hạn	(487.841.526)
Vay dài hạn	(1.233.400.617)
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>627.355.398</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(546.285)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh ( <i>Thuyết minh số 17</i> )	2.650.928.007
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán</b>	<b>3.277.737.120</b>

**5 TIỀN**

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền gửi ngân hàng	292.980.393	299.868.168
Tiền mặt tại quỹ	18.183.533	32.092.852
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>311.163.926</b>	<b>331.961.020</b>

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	1.184.400.435	327.937.200
Phải thu từ hợp đồng xây dựng	727.713.177	730.579.743
Phải thu từ chuyển nhượng tài sản	279.026.592	-
Phải thu tiền bán căn hộ	1.272.463	6.490.075
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.192.412.667</b>	<b>1.065.007.018</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, phải thu ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản phải thu bên liên quan với số tiền là 462.387.707 ngàn VND (*Thuyết minh số 31*).





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng của Nhóm Công ty và mua máy móc, thiết bị	13.168.774	46.955.975
Trả trước nhà thầu phụ cho dự án sân bay ở Lào	12.610.528	327.627.512
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.708.671.573	1.883.134.630
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.734.450.875</b>	<b>2.257.718.117</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trả trước cho người bán ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản trả trước các bên liên quan với số tiền là 1.600.386.748 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

**8 PHẢI THU CHO VAY VÀ NGẮN HẠN KHÁC**

**8.1 Phải thu cho vay ngắn hạn**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cho vay nhân viên ngắn hạn	-	46.592.237
Cho vay công ty khác ngắn hạn	841.958.539	219.049.025
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>841.958.539</b>	<b>265.641.262</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, phải thu cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu cho vay bên liên quan với số tiền là 4.742.317 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

**8.2 Phải thu ngắn hạn khác**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu tạm ứng nhân viên	38.925.832	204.857.675
Phải thu Công ty khác	515.630.820	77.470.620
Lãi tiền gửi ngắn hạn	2.198.207	455.920
Các khoản khác	54.185.675	19.776.077
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>610.940.534</b>	<b>302.560.292</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu bên liên quan với số tiền là 499.524.211 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí xây căn hộ để bán	-	116.436.784
Thành phẩm	276.893.375	35.923.410
Hàng hóa	21.258.900	12.971.621
Hàng hóa đang đi đường	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.347.777.072	2.378.243.787
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí nuôi bò thịt</i>	68.717.303	1.417.725.816
<i>Sản xuất</i>	630.932.047	486.992.056
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	639.284.607	473.525.915
<i>Chi phí bắp và cỏ</i>	8.843.115	-
Nguyên vật liệu	200.102.552	410.514.950
Công cụ, dụng cụ	20.995.131	17.412.328
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.755.431)	(5.182.807)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.864.271.599</u></b>	<b><u>2.966.320.073</u></b>

**10. PHẢI THU CHO VAY VÀ DÀI HẠN KHÁC**

**10.1 Phải thu cho vay dài hạn**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cho vay Công ty khác dài hạn	1.632.452.408	1.012.868.207
Cho vay nhân viên dài hạn	-	294.936.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.632.452.408</u></b>	<b><u>1.307.804.207</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu cho vay dài hạn bao gồm các khoản phải thu cho vay bên liên quan với số tiền là 1.153.691.667 ngàn VNĐ (*Thuyết minh số 31*).

**10.2 Phải thu dài hạn khác**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Lãi phải thu cho vay	200.162.778	27.421.314
Ký cược, ký quỹ dài hạn	7.787.110	11.823.112
Phải thu dài hạn khác	143.025.381	36.633.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>350.975.269</u></b>	<b><u>75.877.608</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu cho vay dài hạn bao gồm các khoản phải thu tiền lãi cho vay bên liên quan với số tiền là 214.356.264 ngàn VNĐ (*Thuyết minh số 31*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	1.751.998.830	1.550.006.980	1.125.435.420	1.128.933	1.800.069.049	17.618.136	6.246.257.348
Tăng trong kỳ	524.465.496	432.153.823	579.306.473	202.954	744.884.479	2.129.889	2.283.143.114
Mua mới	73.986.573	92.373.742	109.773.842	167.081	293.527.915	1.155.000	570.984.153
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	437.065.366	345.836.858	426.139.678	-	399.746.195	1.071.493	1.609.859.590
Tăng từ mua Công ty con	25.988.802	5.652.511	53.320.546	41.360	71.217.750	56.265	156.277.234
Chênh lệch tỷ giá	(12.575.245)	(11.709.288)	(9.927.593)	(5.487)	(19.607.381)	(152.869)	(53.977.863)
Giảm trong kỳ	(65.992.020)	(12.240.958)	(104.624.172)	(55.150)	(532.635.284)	(428.854)	(715.976.438)
Thanh lý	(60.648.842)	(12.093.465)	(108.808.696)	(55.150)	(523.179.396)	-	(704.785.549)
Chuyển đến/ chuyển đi	(5.343.178)	(147.493)	4.184.524	-	(9.455.888)	(428.854)	(11.190.889)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.210.472.306	1.969.919.845	1.600.117.721	1.276.737	2.012.318.244	19.319.171	7.813.424.024
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	(182.587.724)	(264.276.795)	(154.622.415)	(932.663)	(85.387.327)	(4.974.592)	(692.781.516)
Khấu hao trong kỳ	(118.296.118)	(118.565.419)	(127.949.357)	(125.867)	(158.199.413)	(1.770.348)	(524.906.522)
Tăng từ mua Công ty con	(9.034.610)	(2.428.159)	(10.144.017)	(41.360)	(4.503.882)	(56.265)	(26.208.293)
Giảm trong kỳ	12.940.612	5.998.153	13.572.584	59.954	19.532.012	999.953	53.103.268
Thanh lý	7.089.985	2.800.395	11.815.460	55.150	11.658.372	-	33.419.362
Chênh lệch tỷ giá	1.795.478	2.208.253	1.152.783	4.804	(1.582.248)	43.095	3.622.165
Phân loại lại	(518.172)	(251.733)	(51.149)	-	-	821.054	-
Chuyển đến/ chuyển đi	4.573.321	1.241.238	655.490	-	9.455.888	135.804	16.061.741
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	(296.977.840)	(379.272.220)	(279.143.205)	(1.039.936)	(228.558.610)	(5.801.252)	(1.190.793.063)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	1.569.411.106	1.285.730.185	970.813.005	196.270	1.714.681.722	12.643.544	5.553.475.832
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.913.494.466	1.590.647.625	1.320.974.517	236.801	1.783.759.634	13.517.918	6.622.630.961



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	6.648.075	48.197.185	54.845.260
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>6.648.075</u>	<u>48.197.185</u>	<u>54.845.260</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	(249.303)	(11.733.979)	(11.983.282)
Tăng trong kỳ	(365.654)	(6.049.638)	(6.415.292)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	(365.654)	(6.049.638)	(6.415.292)
Giảm trong kỳ	33.250	-	33.250
<i>Phân loại lại</i>	33.250	-	33.250
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>(581.707)</u>	<u>(17.783.617)</u>	<u>(18.365.324)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	<u>6.398.772</u>	<u>36.463.206</u>	<u>42.861.978</u>
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>6.066.368</u>	<u>30.413.568</u>	<u>36.479.936</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí trồng cây cao su và cây cọ dầu	12.781.579.712	10.137.217.769
Nhà xưởng và vật kiến trúc	1.090.562.929	613.442.399
Nông trại Bò	200.633.052	249.346.043
Các công trình khác	517.805.746	153.949.533
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>14.590.581.439</b></u>	<u><b>11.153.955.744</b></u>

**14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay là 610.711.322 ngàn VNĐ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015: 557.954.522 ngàn VNĐ). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, cọ dầu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**

**15.1 Đầu tư vào các Công ty con**

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("TNHH HA Quang Minh")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/05/2008	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	100,00
(6) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	99,45
(7) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	25/01/2010	100,00
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/07/2010	100,00
(9) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	100,00
(10) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/01/2011	99,99
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/02/2011	97,77
(12) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	01/11/2011	99,99
(13) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/02/2013	100,00
(14) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	30/04/2015	99,00
(15) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	99,70
(16) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	69,50
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Lum Phát	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	15/10/2015	69,50
(18) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	14/10/2015	99,70



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**15.1 Đầu tư vào các Công ty con (tiếp theo)**

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo)

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
(19) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương (i)	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(20) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(21) Công ty TNHH Eastern Rubber	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(22) Công ty TNHH Cao su Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(23) Công ty TNHH Suvann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(24) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (ii)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	09/12/2016	99,91

- (i) Ngày 03 tháng 03 năm 2016, Công ty đã hoàn tất mua lại toàn bộ phần vốn góp với tổng giá phí là 1.650.000.000 ngàn VNĐ, tương đương với 100% quyền sở hữu trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("CSĐD") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh (tỷ lệ vốn góp 52,83%) và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh (tỷ lệ vốn góp 47,17%). Theo đó, CSĐD đã trở thành Công ty con của Công ty vào ngày này.
- (ii) Ngày 09 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại 81.937.178 Cổ phần, tương đương với 99,91% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên từ bà Nguyễn Thị Ngọc Trang với tổng giá mua 3.277.487.120 ngàn VNĐ. Theo đó, CSTN đã trở thành Công ty con của Công ty vào ngày này.

**15.2 Đầu tư vào Công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	47,80	271.950.970
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chăn nuôi bò	23,46	588.191.217	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>874.195.853</b>		<b>271.950.970</b>

Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 285.081 cổ phần, tương ứng với 1,34% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (Công ty liên kết) từ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ) với tổng giá mua là 12.828.645 ngàn VNĐ, tăng tỷ lệ sở hữu từ 47,8% lên 49,14%.

Ngày 10 tháng 08 năm 2016, Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên đã mua lại 14.850.000 cổ phần, tương ứng với 18,56% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL") từ công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú (Bên liên quan) với tổng giá mua là 550.000.000 ngàn VNĐ, tăng tỷ lệ sở hữu từ 4,90% lên 23,46%. Theo đó, CNGL đã trở thành Công ty liên kết của Công ty vào ngày này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chia lỗ từ CNGL với số tiền là 1.008.783 ngàn VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí phát triển vườn mía	341.061.143	658.428.542
Chi phí vườn bắp	-	49.185.469
Chi phí phát hành trái phiếu	574.194	2.943.572
Tiền thuê đất	70.331.339	81.399.952
Công cụ, dụng cụ	22.904.921	18.864.683
Chi phí thuê văn phòng	-	5.521.946
Chi phí trồng cỏ	333.788.130	119.334.616
Chi phí trả trước dài hạn khác	227.465.601	9.265.497
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>996.125.328</b>	<b>944.944.277</b>

**17. LỢI THÉ THƯƠNG MẠI**

	Ngàn VND	
	Giá trị	
<b>Nguyên giá</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015		438.189.885
Phát sinh từ mua trong năm		2.819.815.106
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		3.258.004.991
<b>Phân bổ lũy kế</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015		(4.815.224)
Phân bổ trong năm		(79.502.458)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		(84.317.682)
<b>Giá trị còn lại</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015		433.374.661
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		3.173.687.309

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả người bán mua máy móc, thiết bị	1.532.840	164.346.595
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	716.478.619	400.037.969
Phải trả nhà thầu xây dựng	2.442.753	4.910.141
Các khoản khác	16.788.645	61.490.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>737.242.857</b>	<b>630.784.705</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, phải trả người bán ngắn hạn bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan với số tiền là 373.183.134 ngàn VND (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Khách hàng thương mại trả tiền trước	228.277.147	786.040.052
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	4.455.835	1.023.950
Khác	22.365.070	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>255.098.052</b>	<b>787.064.002</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, người mua trả tiền trước ngắn hạn bao gồm các khoản trả tiền trước của bên liên quan là chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai với số tiền là 21.993.920 ngàn VNĐ.

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Thuế giá trị gia tăng	97.670.023	142.676.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.1)	11.886.958	2.229.860
Thuế thu nhập cá nhân	3.624.798	4.034.146
Các khoản khác	3.331.571	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>116.513.350</b>	<b>148.940.710</b>

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay	178.375.494	330.277.520
Chi phí hoạt động	-	16.441.862
Chi phí xây dựng	-	127.785.507
Các khoản khác	28.628.404	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>207.003.898</b>	<b>474.504.889</b>

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả các công ty khác	1.040.422.936	1.781.589.375
Phải trả công nhân viên	141.781.736	9.516.252
Phải trả cổ tức	577.500	5.109.394
Phải trả tiền thuê đất	12.627.620	16.237.999
Các khoản khác	444.471.333	21.677.447
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.639.881.125</b>	<b>1.834.130.467</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan với số tiền là 1.123.617.169 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**23. VAY**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh 23.1)	1.234.693.959	2.101.643.091
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	490.993.402	659.401.026
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả	333.097.953	66.060.933
Vay ngắn hạn cá nhân và doanh nghiệp	768.850.300	-
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh 23.3)	297.091.268	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.124.726.882</b>	<b>3.127.105.050</b>

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 23.2)	5.986.718.428	4.690.553.923
Vay bên liên quan	10.164.282.131	3.443.449.363
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh 23.3)	2.114.297.188	2.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.265.297.746</b>	<b>10.134.003.286</b>

<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	17.144.115.123	9.108.541.327
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	490.993.402	659.401.026
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả	333.097.953	66.060.933
Nợ dài hạn trái phiếu đến hạn trả	297.091.268	300.000.000

**23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Gia Lai	669.662.600	1.248.291.110
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt	350.235.833	853.351.981
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Cambodia	24.157.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Gia Lai	189.841.526	-
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Đắk Lắk	797.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.234.693.959</b>	<b>2.101.643.091</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**23 VAY (tiếp theo)**

**23.2 Vay dài hạn ngân hàng**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bình Định	1.230.199.763	1.244.613.376
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Gia Lai	1.698.347.606	1.091.031.485
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Đồng Nai	879.068.994	874.362.201
Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt	1.022.258.835	669.030.643
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	178.581.238
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Sài Gòn	562.454.605	262.454.605
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Thủ Đức	335.000.000	250.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Cambodia	96.628.000	57.519.750
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Gia Lai	99.800.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Đắk Lắk	62.960.625	62.960.625
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.986.718.428</u></b>	<b><u>4.690.553.923</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	5.495.725.026	4.031.152.897
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	490.993.402	659.401.026

**23.3 Trái phiếu thường trong nước**

Chi tiết trái phiếu thường trong nước vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày như sau:

	Ngàn VNĐ
Mệnh giá Trái phiếu phát hành năm 2015 ("Trái phiếu 1700")	1.700.000.000
Mệnh giá Trái phiếu phát hành năm 2016 ("Trái phiếu 457")	431.000.000
Chi phí phát hành	<u>(16.702.812)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.114.297.188</u></b>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả:</i>	297.091.268

**a. Trái phiếu 1700**

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một tỷ VNĐ) do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**23 VAY (tiếp theo)**

**23.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)**

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía đường tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND và 1.400 tỷ VND, chịu lãi suất từ 10,5% - 11,3% một năm trong kỳ này.

**b. Trái phiếu 457**

Vào ngày 27/12/2016 và ngày 29/12/2016, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đặt mua lần lượt 290 trái phiếu và 141 trái phiếu do Công ty phát hành, mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một (01) tỷ VND. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (03) tháng một (01) lần, bắt đầu trả lãi vào ngày 27/03/2018, số tiền lãi trái phiếu được ân hạn sẽ được chia làm bốn (04) và được thanh toán vào ngày 27 của các tháng 3, 6, 9, 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho ba (03) kỳ tính lãi đầu tiên cố định là 10,5%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiền gửi cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu đợt này là để cơ cấu nợ lãi trái phiếu.

Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 234.484.450 cổ phiếu của Công ty (HNG) được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ), toàn bộ quyền thuê, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta tại huyện Lumphat, tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.

**23.4 Các khoản vay bên liên quan**

	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai – Bên liên quan	298.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – Công ty mẹ	9.866.282.131
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.164.282.131</u></b>

Trong đó:

Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả: 333.097.953

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn và tài trợ cho các dự án kinh doanh của nhóm Công ty.

**24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền thuê đất phải trả	209.574.245	188.478.724
Phải trả khác	1.557.943.652	659.480.049
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.767.517.897</u></b>	<b><u>847.958.773</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, phải trả dài hạn khác bao gồm khoản phải trả của bên liên quan là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – Công ty mẹ với số tiền là 493.315.982 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Ngàn VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng VSCH và lợi ích cổ đông không kiểm soát
<b>Năm trước</b>						
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2015	3.990.670.000	1.295.347.000	143.518.473	1.404.012.572	21.540.191	6.855.088.236
Vốn góp trong kỳ	798.723.950	999.248.810	-	-	-	1.797.972.760
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	724.591.678	19.416.700	744.008.378
Cổ tức	-	-	-	-	(602.954)	(602.954)
Phát hành cổ phiếu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-	-	-
Thanh lý Công ty	-	-	-	-	(3.790.480)	(3.790.480)
Mua Công ty mới	-	-	-	-	190.723.444	190.723.444
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	299.629.881	-	-	299.629.881
Mua cổ phần từ cổ đông thiểu số	-	-	-	(2.029.495)	(1.371.865)	(3.401.360)
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>7.081.438.950</b>	<b>2.550.810</b>	<b>443.148.354</b>	<b>2.126.574.755</b>	<b>225.915.036</b>	<b>9.879.627.905</b>
<b>Năm nay</b>						
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	7.081.438.950	2.550.810	443.148.354	2.126.574.755	225.915.036	9.879.627.905
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(954.426.417)	(35.102.948)	(989.529.365)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	108.768.229	-	-	108.768.229
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông	590.000.000	1.062.000.000	-	-	-	1.652.000.000
Mua Công ty con	-	-	-	-	546.285	546.285
Cổ tức	-	-	-	-	(825.000)	(825.000)
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>7.671.438.950</b>	<b>1.064.550.810</b>	<b>551.916.583</b>	<b>1.172.148.338</b>	<b>190.533.373</b>	<b>10.650.588.054</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**25.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	540.458.340	5.404.583.400	70,45	5.404.583.400
Cổ đông khác	226.685.555	2.266.855.550	29,55	2.266.855.550
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>767.143.895</b>	<b>7.671.438.950</b>	<b>100</b>	<b>7.671.438.950</b>

**25.3 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	708.143.895

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Ngày 22 tháng 03 năm 2016, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 54/2015/GCNCP-VSD-1. Theo đó, Công ty đã hoàn tất chào bán và phát hành cổ phiếu cho hai cổ đông là Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 59.000.000 cổ phiếu, tăng vốn từ 7.081.438.950 ngàn VNĐ lên 7.671.438.950 ngàn VNĐ.

**25.4 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được xác định như sau:

	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (ngàn VNĐ)	(311.074.285)	(124.538.238)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	754.086.518	701.235.457
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)</b>	<b>(413)</b>	<b>(178)</b>
<b>Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)</b>	<b>(348)</b>	<b>(148)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**26. DOANH THU**

**26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV		Ngàn VNĐ	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.213.140.844</b>	<b>814.164.589</b>	<b>4.791.149.202</b>	<b>4.730.680.433</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu bán đường	6.374.228	200.697.547	468.393.215	957.503.311
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	-	1.059.175	-	283.858.713
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	219.399.429	98.658.138	450.413.695	352.436.994
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.596.080	18.377.875	53.855.105	45.416.997
Doanh thu bán mủ cao su	62.732.843	64.319.414	114.023.778	197.055.040
Doanh thu căn hộ	5.627.800	18.696.642	31.269.162	56.972.736
Doanh thu bán bắp	-	16.049.645	136.400.968	295.939.624
Doanh thu bán bò	906.410.464	396.306.153	3.536.793.279	2.541.497.018

**26.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV		Ngàn VNĐ	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay các công ty khác	69.535.641	28.917.463	197.218.591	64.891.633
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.898.839	-	5.898.839	2.325.965
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	33.421.286	98.154.931	51.665.188
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	23.179.540	-	45.997.846
Các khoản khác	1.222.053	-	3.790.623	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.656.533</b>	<b>85.518.289</b>	<b>305.062.984</b>	<b>164.880.632</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường	18.430.863	137.234.147	352.621.230	576.122.070
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	-	100.294.729	-	406.580.409
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	156.113.816	74.785.470	392.737.104	323.091.122
Giá vốn dịch vụ cung cấp	13.544.281	13.518.023	110.501.242	44.590.172
Giá vốn bán mủ cao su	53.246.661	86.049.041	132.768.102	175.834.362
Giá vốn căn hộ	5.719.797	18.011.802	31.509.845	54.180.462
Giá vốn bán bắp	-	1.682.143	67.367.442	109.668.097
Giá vốn bán bò	867.941.293	380.207.808	3.193.497.892	1.803.513.299
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.114.996.711</b>	<b>811.783.163</b>	<b>4.281.002.857</b>	<b>3.493.579.993</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	183.452.744	130.903.405	723.507.758	364.676.504
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	36.638.514	-	196.031.945	13.039.447
Các khoản khác	2.205.300	308.678	9.068.591	5.744.268
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>222.296.558</b>	<b>131.212.083</b>	<b>928.608.294</b>	<b>383.460.219</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>67.434.858</b>	<b>1.193.953</b>	<b>168.071.848</b>	<b>2.233.328</b>
Thu thanh lý tài sản	65.358.262	-	163.013.465	-
Các khoản khác	2.076.596	1.193.953	5.058.383	2.233.328
<b>Chi phí khác</b>	<b>(236.679.124)</b>	<b>(63.127.300)</b>	<b>(756.024.769)</b>	<b>(110.612.760)</b>
Các khoản phạt	-	-	-	(3.266.826)
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	-	-	-	(3.521.561)
Lỗi từ thanh lý tài sản	-	-	(19.610.276)	-
Thanh lý dự án	-	-	(473.559.413)	(61.794.796)
Các khoản khác	(236.679.124)	(63.127.300)	(262.855.080)	(42.029.577)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b>(169.244.266)</b>	<b>(61.933.347)</b>	<b>(587.952.921)</b>	<b>(108.379.432)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Nhóm Công ty tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất lần lượt là 24% và 20% trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của các công ty thuộc Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	874.461	(3.048.663)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	14.328.663	32.003.555
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.203.124</b>	<b>28.954.892</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**30.1 Thuế TNDN hiện hành**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.004.732.489)</b>	<b>715.053.486</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
(Lãi) Lỗ từ Công ty liên kết	(216.238)	1.225.021
Chi phí không được khấu trừ	-	47.750.201
Các khoản lỗ của các công ty con	783.086.597	42.767.708
Tiền phạt	7.521.706	-
Doanh thu nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	148.200.223	44.450.642
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	24.073.503	-
Các khoản khác	73.395.415	2.460.784
Thay đổi chi phí phải trả	(14.817.542)	149.512.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	123.640.211
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	82.003.346	6.365.806
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Doanh thu của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(134.358.709)	(1.086.533.478)
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	-	(45.960.202)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.121.211	-
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>2.094.565</b>	<b>732.198</b>
Lỗ các năm trước được cần trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>2.094.565</b>	<b>732.198</b>
<b>Thuế TNDN ước tính theo mức thuế suất 20%</b>	<b>418.913</b>	<b>161.084</b>
Trích bổ sung (giảm thuế trích thừa) thuế TNDN cho các năm trước	(1.293.374)	2.887.579
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>(874.461)</b>	<b>3.048.663</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	799.114	699.945
Thanh lý công ty con	-	3.764.232
Các khoản khác	10.611.517	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(161.084)	(6.794.852)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>10.375.086</b>	<b>717.988</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)	11.886.958	2.229.860
Thuế TNDN phải thu	(1.511.872)	(1.511.872)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**30.2 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Năm 2016</i>	<i>Năm 2015</i>
	<i>Ngàn VNĐ</i>			
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	42.262.772	32.558.351	9.704.421	7.275.513
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	29.352.284	24.728.042	9.114.171	24.728.042
	<b>71.615.056</b>	<b>57.286.393</b>		
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	(235.354.240)	(235.354.240)		
	<b>(235.354.240)</b>	<b>(235.354.240)</b>		
<b>(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả) tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>(163.739.184)</b>	<b>(178.067.847)</b>		
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>14.328.663</b>	<b>32.003.555</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

		<i>Ngàn VNĐ</i>	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các chi nhánh	Công ty mẹ và các bên liên quan	Vay và mượn Chi phí lãi vay Mua tài sản Mua vật tư Mua cổ phần Bidiphar Bán hàng hóa	3.924.979.746 370.215.892 13.798.076 134.500.155 12.828.645 10.480.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	55.142.500
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa Lãi cho vay Mua hàng hóa Mua nguyên liệu vật tư	288.979.691 71.096.668 30.960.888 134.881.095

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	127.938.445
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	11.412.469
Chi nhánh Cơ khí Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.771.210
Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.680
Công ty Thủy điện Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	25.005
Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.623
Công ty Cổ phần Thẻ Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	413.196
Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.371.575
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai- Kon Tum	Bên liên quan	Bán hàng hóa	25.822
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Sê Kông	Bên liên quan	Bán hàng hóa	14.279
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	318.409.403
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>462.387.707</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo)

***Trả trước cho người bán ngắn hạn***

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng hóa	62.228.159
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	631.342.535
Chi nhánh Cơ khí Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng thi công xây dựng	203.539.178
Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	358.367
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	702.918.509
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.600.386.748</u></b>

***Phải thu cho vay ngắn hạn***

Công ty V&H	Bên liên quan	Cho vay	4.742.317
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>4.742.317</u></b>

***Phải thu ngắn hạn khác***

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi trả hộ	416.285.784
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn tiền	3.759.760
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	79.476.667
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn tiền	2.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>499.524.211</u></b>

***Phải thu cho vay dài hạn***

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	580.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay	573.691.667
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.153.691.667</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo)

***Phải thu dài hạn khác***

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	20.987.500
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mượn và lãi vay	193.368.764
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>214.356.264</u></b>

***Phải trả người bán ngắn hạn***

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	272.899.868
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	34.195.582
Chi nhánh Cơ khí Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Thi công xây dựng	6.718.602
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	998.746
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua máy móc thiết bị	57.589.718
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	780.618
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>373.183.134</u></b>

***Phải trả ngắn hạn khác***

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền và lãi vay	628.049.730
Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó giám đốc	Mượn tiền	22.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	186.887
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Sê Kông	Bên liên quan	Mua hàng hóa	379.951
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	405.989.081
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Bên liên quan	Mượn tiền	66.969.120
Chi nhánh nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Các khoản khác	42.400
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.123.617.169</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý IV năm 2016

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này.



Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập

Ngày 12 tháng 02 năm 2017



Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng  
Giám đốc

